

Bản án số: **15/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 24 - 4 - 2024
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm

Ông Ngô Văn Lầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Thăng Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37A/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lữ Thị H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **Số G, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/10/2023).

- Bị đơn: Ông HU KUO HSIANG, sinh năm 1964.

Địa chỉ: **A- 5 P, khóm E, phường P, thành phố M, huyện M, Đài Loan.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn bà **Lữ Thị H có nội dung:**

Do quen biết nhau qua mai mối nên vào ngày 29/10/2014 bà và ông **H1** Kuo Hsiang được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn (vào sổ đăng ký kết hôn số 446, quyển 03 vào ngày 7/11/2014). Đến tháng 4 năm 2015 được ông **Hu Kuo H2** bảo lãnh sang Đài Loan sinh sống, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi, ông **Hu Kuo H2** là người gia trưởng, độc đoán, ghen tuông vô cớ, nóng giận bất thường, cấu gât từng lời nói, cấm đoán

không cho tôi được tiếp xúc với ai kể cả điện thoại cũng không được gọi cho ai. Trong thời gian chung sống chúng tôi không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Đến tháng 3 năm 2016 tôi trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay, tôi và ông **Hu K** Hsiang sống ly thân và không còn liên lạc với nhau.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Hu Kuo H2**.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết và cũng không yêu cầu trợ cấp sau khi ly hôn.

Đối với ông **Hu Kuo H2**, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 17/TB-TLVA ngày 24 tháng 4 năm 2023 và các văn bản tố tụng liên quan. Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác vào ngày 10/8/2023 nhưng ông **Hu Kuo H2** không có văn bản trả lời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 của nguyên đơn bà **Lữ Thị H** yêu cầu được ly hôn với ông **Hu Kuo H2**; về con chung; tài sản chung; nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn bà **Lữ Thị H** có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông **Hu Kuo H2** vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lữ Thị H** và ông **Hu Kuo H2** đã tự nguyện kết hôn và được được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 446, quyển 03 vào ngày 7/11/2014, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2015 ông **Hu Kuo H2** đã bảo lãnh bà **H** sang Đài Loan sinh sống. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 3 năm 2016 bà **H** trở về Việt Nam sinh sống và vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được, đã ly thân nhiều năm và không liên lạc gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà **Lữ Thị H** được ly hôn với ông **Hu Kuo H2**.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu và không bên nào yêu cầu trợ cấp sau khi ly hôn, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà **Lữ Thị H** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí ủy thác tư pháp: Bà **Lữ Thị H** phải chịu 1.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 470; điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lữ Thị H**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lữ Thị H** được ly hôn với ông **Hu Kuo H2**.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có, không yêu cầu và không bên nào yêu cầu trợ cấp sau ly hôn, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Lữ Thị H** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008373 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà **H** đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Chi phí ủy thác tư pháp: Bà **Lữ Thị H** phải chịu 1.200.000 đồng, bà **H** đã nộp đủ.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành